

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 108/2022/DS-ST

Ngày: 04-8-2022

“Về tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Bửu Hòa.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hùng Cường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1492/2020/TLST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2020, về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K;

Địa chỉ: Phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Tuấn A**; chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Bùi Thị Như Ng**; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Tiểu Cần (có mặt);

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1990 và bà **Dương Thị H**, sinh năm 1949 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Huỳnh Văn T2**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

2/ Anh **Huỳnh Văn T3**, sinh năm 1978 (vắng mặt);

3/ Anh **Huỳnh Văn T4**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

4/ Anh **Huỳnh Văn Tr**, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Bùi Thị Như Ng trình bày: Vào ngày 06/7/2015 Ngân hàng có cho bà H và anh T vay số tiền 30.000.000 đồng, tại hợp đồng tín dụng số 221/2015/HĐTD/1602-4625, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 13,05%/năm cố định trong 03 tháng đầu, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, thời hạn cho vay là 12 tháng, trả lãi hàng quý, mục đích cho vay vốn để làm ruộng - chăn nuôi, hạn trả là 11/7/2016. Để đảm bảo khoản vay bà H và anh T có ký hợp đồng thế chấp số 221/2015/HĐTC-BDS/1602-4625 ngày 06/7/2015, tài sản gồm: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 809401 do Ủy ban nhân dân Tiểu Cần cấp vào ngày 26/02/2001 cho hộ bà Dương Thị H diện tích là 3.868,3m², thửa đất số 831, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Định Phú A, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Từ khi vay cho đến nay bị đơn có trả vốn gốc số tiền là 5.000.000 đồng vào ngày 20/5/2021 và có đóng lãi trong hạn cho Ngân hàng được số tiền là 3.922.500 đồng và đóng lãi quá hạn là 5.859.000 đồng. Ngân hàng đã thu tiền phạt chậm lãi là 285.182 đồng. Từ ngày 19/7/2017 cho đến nay bà H và anh T chưa đóng lãi và chưa trả vốn gốc cho Ngân hàng. Khi đến hạn Ngân hàng nhiều lần yêu cầu bà H và anh T thực hiện nghĩa trả nợ nhưng bà H và anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà H và anh T trả tổng số tiền 52.869.625 đồng (trong đó vốn gốc là 25.000.000 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 19/7/2017 đến hôm nay ngày 04/8/2022 với số tiền 27.869.625 đồng) và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bà H và anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi hết số nợ đã vay.

Bị đơn bà Dương Thị H vắng mặt nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2021 có nội dung: Ngày 06/7/2015 bà H và anh T vay của Ngân hàng TPCP K số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 13,05%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, thời hạn cho vay là 12 tháng. Khi vay bà có thế chấp quyền sử dụng đất số O 809401, cấp ngày 26/02/2001, diện tích 3.868.3 m², thửa 831, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã L, huyện

C, tỉnh Trà Vinh. Bà đồng ý trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 51.735.000 đồng (tính đến ngày 28/4/2021), trong trường hợp không trả được nợ bà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ Ngân hàng.

Bị đơn anh Huỳnh Văn T vắng mặt không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn T2, anh Huỳnh Văn T3, anh Huỳnh Văn T4 và anh Huỳnh Văn Tr vắng mặt không có lời trình bày.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất: Bà H thừa nhận có vay Ngân hàng số tiền vốn gốc ban đầu là 30.000.000 đồng vào ngày 06/7/2015 và có thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số O 809401, cấp ngày 26/02/2001, diện tích 3.868.3 m², thửa 831, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Trong trường hợp không trả được nợ bà H đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ Ngân hàng.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Ngân hàng yêu cầu bà H và anh T trả tổng số tiền là 52.869.625 đồng (trong đó vốn gốc là 25.000.000 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 19/7/2017 đến ngày 04/8/2022 với số tiền 27.869.625 đồng) và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bà H và anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi hết số nợ đã vay.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Dương Thị H và anh Huỳnh Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TPCP K tổng số tiền là 52.869.625 đồng (trong đó vốn gốc là 25.000.000 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 19/7/2017 đến hôm nay ngày 04/8/2022 với số tiền 27.869.625 đồng). Trong trường hợp bà Dương Thị H và anh Huỳnh Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng số: 221/2015/HĐTC-BDS/1602-4625, ngày 06/7/2015, để thu hồi nợ. Đình chỉ việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vốn gốc là 5.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc bị đơn bà Dương Thị H, anh Huỳnh Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn T2, anh Huỳnh Văn T3, anh Huỳnh Văn T4 và anh Huỳnh Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền vay vốn gốc 25.000.000 đồng khi vay tiền các bên có thành lập hợp đồng và có chứng thực, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại các Điều 122, 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà H và anh T trả số tiền vốn gốc là 25.000.000 đồng. Trường hợp bà H và anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản đã thế chấp. Nguyên đơn đã chứng minh bằng hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ. Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thì nguyên đơn đã chứng minh bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra bị đơn bà Dương Thị H đã thừa nhận nợ và đồng ý phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp không trả được nợ theo biên bản lấy khai ngày 28/4/2021 (bút lúc số 63 đến 64). Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi khi vay tiền thì các bên có lập thành hợp đồng xác định thời hạn vay là 01 năm tính từ khi giải ngân ngày 11/7/2015. Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 13,05%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Khi khoản nợ quá hạn thì Ngân hàng nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ và đến ngày 23/4/2019 Ngân hàng có tiếp xúc với bà Dương Thị H và bà H cam kết trả nợ trong tháng 06 năm 2019, do đó đến thời điểm khởi kiện ngày 12/10/2020 thì yêu cầu của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện, nên bên vay phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho bên cho vay là phù hợp với quy định tại các Điều 474, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện từ số tiền vốn gốc ban đầu là 30.000.000 đồng giảm xuống còn 25.000.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về lệ phí, án phí: Bị đơn phải chịu lệ phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu lệ phí, án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 244, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 122, 124, 474, 478 của Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Buộc bà Dương Thị H và anh Huỳnh Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tổng số tiền là 52.869.625 đồng (*Trong đó vốn gốc là 25.000.000 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 19/7/2017 đến ngày 04/8/2022 là 27.869.625 đồng*).

Kể từ ngày 05/8/2022 bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 221/2015/HĐTD/1602-4625, ngày 06/7/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bà Dương Thị H và anh Huỳnh Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được quyền yêu cầu Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 221/2015/HĐTC-BĐS/1602-4625, ngày 06/7/2015, để thu hồi nợ.

2. Đình chỉ việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vốn gốc là 5.000.000 đồng.

3. Về lệ phí thẩm định tài sản là: 500.000 đồng, buộc bà Dương Thị H và anh Huỳnh Văn T phải chịu toàn bộ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã dự nộp tạm ứng và đã chi xong. Do đó, buộc bà Dương Thị H và anh Huỳnh Văn T phải nộp là 500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Dương Thị H và anh Huỳnh Văn T phải chịu là 2.643.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K cho số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 1.213.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000856, ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân

